TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 25-01-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hồng Vinh
Bà Trần Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Đ, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.
Nguyễn Thị M, sinh năm 1969.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Đ, ông T, bà M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Ngày 01/7/2019 (tức ngày 25/5/2019 âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T, bà M vay số tiền 376.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng, vốn hẹn 01 năm trả. Khi vay tiền ông T, bà M có ký tên vào biên nhận cho bà và thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 490, tờ bản đồ 14, diện tích 1.180,4m^2, địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06346 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày

03/10/2008 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M để làm tin.

Sau khi vay tiền xong thì ông T, bà M có trả lãi cho bà được 03 tháng tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, 3.760.000 đồng x 03 tháng = 11.280.000 đồng và sau đó có gởi thêm 10.000.000 đồng tiền lãi rồi ngưng luôn không trả khoản vốn và lãi nào cả.

Hiện tại ông T, bà M còn nợ bà số tiền vốn 376.000.000 đồng, nay bà yêu cầu ông T, bà M trả cho bà số tiền vốn 376.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng từ ngày 01/11/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện và T ra số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi mà ông T, bà M đã gởi bà. Bà yêu cầu ông T, bà M trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà đồng ý trả lại cho ông T, bà M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 490, tờ bản đồ 14, diện tích 1.180,4m^2, địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06346 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03/10/2008 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông bà vay của bà Đ số tiền 376.000.000 đồng làm nhiều lần: Năm 2013 vay 200.000.000 đồng, năm 2014 vay 40.000.000 đồng, năm 2016 ông bà cầm cho bà Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính như bà Đ trình bày để vay thêm số tiền 70.000.000 đồng. Lãi trong 03 năm đầu là 3,5%/tháng; 02 năm tiếp theo là 3%/tháng, năm 2019 không có tiền đóng lãi nên 02 bên làm biên nhận tổng kết nợ là 370.000.000 đồng nhưng bà Đ lại ghi là 376.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 1%/tháng. Hai bên làm biên nhận ngày 01/7/2019, sau đó ông bà có đóng tiền lãi cho bà Đ với lãi suất 1%/tháng được 03 tháng và 10.000.000 đồng.

Nay ông bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền 376.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng chỉ đồng ý trả lãi suất theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/11/2019 và T lại số tiền 10.000.000 đồng. Ông bà xin trả dần 03 tháng 15.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông bà yêu cầu bà Đ trả lại cho ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M trả số tiền vay 376.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định

đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu: Tại phiên tòa bà Đ thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 1,67%/tháng thành 1,5%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M trả số tiền 376.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Đ có cho ông T, bà M vay số tiền 376.000.000 đồng vào ngày 01/7/2019, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng, vốn hẹn 01 năm trả. Sau khi vay tiền ông T, bà M chỉ trả được cho bà Đ 03 tháng tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng và số tiền lãi 10.000.000 đồng thì không trả khoản vốn và lãi nào nữa, hiện ông T, bà M còn nợ bà Đ số tiền vốn 376.000.000 đồng và thời hạn trả vốn đã quá hạn nên bà Đ khởi kiện. Bà Đ có cung cấp cho Tòa án biên nhận do ông T, bà M lăn tay và ký tên.

[3.2] Tại phiên tòa ông T, bà M cũng thống nhất ông T, bà M có ký tên vào biên nhận nợ ngày 01/7/2019 nhưng số tiền 376.000.000 đồng là bà Đ cho ông T, bà M vay nhiều lần đến ngày 01/7/2019 tổng kết nợ mới chốt lại là 376.000.000 đồng. Ông T, bà M cũng thống nhất có trả cho bà Đ được 03 tháng tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng và trả thêm 10.000.000 đồng tiền lãi rồi ngưng không trả thêm khoản vốn và lãi nào nữa. Tại phiên tòa ông T, bà M đồng ý trả cho bà Đ số tiền 376.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Đ và ông T, bà M.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Bà Đ yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 01/11/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện và T ra số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi mà ông T, bà M đã đóng cho bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy theo biên nhận nợ ngày 01/7/2019 thể hiện lãi suất là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên yêu cầu tính lãi suất của bà Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, số tiền 376.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 28 tháng 25 ngày = 162.620.000 đồng. Trừ ra 10.000.000 đồng tiền lãi ông T, bà M đã trả cho bà Đ còn lại 152.620.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc ông T, bà M phải trả cho bà Đ số tiền vốn và lãi là 528.620.000 đồng.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Xét yêu cầu ông T, bà M xin được trả dần ba tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 528.620.000 đồng, không được

phía bà Đ đồng ý; phía ông T, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà Đ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông T, bà M trả cho bà Đ số tiền 528.620.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ trả lại cho ông T, bà M một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 490, tờ bản đồ 14, diện tích 1.180,4m^2, địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06346 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03/10/2008 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M khi ông T, bà M trả nợ xong.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vốn 376.000.000 đồng và tiền lãi 152.620.000 đồng, tổng cộng 528.620.000 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M không trả số tiền trên thì hàng tháng ông T, bà M phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bà Lê Thị Đ tự nguyện trả lại cho ông T, bà M một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 490, tờ bản đồ 14, diện tích 1.180,4m^2, địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06346 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03/10/2008 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M khi ông T, bà M trả nợ xong.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 25.144.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân